

DOI:10.22144/ctu.jvn.2022.197

## TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH COVID-19 ĐẾN SINH KẾ NGƯỜI DÂN NUÔI TÔM KHÉP KÍN - TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU XÃ LONG ĐIỀN ĐÔNG, HUYỆN ĐÔNG HẢI, TỈNH BẠC LIÊU

Nguyễn Văn Nhiều Em<sup>1\*</sup>, Nguyễn Thanh Phường<sup>2</sup>, Dương Thị Tuyền<sup>3</sup> và Nguyễn Hiếu Trung<sup>4</sup>

<sup>1</sup>Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

<sup>2</sup>Sinh viên ngành Xã hội học, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

<sup>3</sup>Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Cần Thơ

<sup>4</sup>Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên, Trường Đại học Cần Thơ

\*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Nguyễn Văn Nhiều Em (email: nvnem@ctu.edu.vn)

### ABSTRACT

The impact of the Covid-19 pandemic on people's livelihoods is a matter of concern and needs to be assessed in order to support and orient a more sustainable livelihood strategy for people in the current period. The study collected secondary data on the closed-loop shrimp farming model and surveyed 100 shrimp farming households in Long Dien Dong commune, Dong Hai district, Bac Lieu province to assess and analyze the factors affecting the livelihood outcomes of the households. Research results show that there are differences when applying the closed-door shrimp farming model before and after the epidemic between households. In addition, the human capital of farmers is guaranteed to serve their livelihoods, social capital is still limited in terms of the number of households participating in social activities in the locality, financial capital is not high, and they have not been able to access social capital, loans, natural capital, and basic physical capital to meet production needs. In addition, besides the factors of 5 internal resources, factors of state policy, disease, and shrimp market are also external factors affecting household livelihood results. In order to improve the capacity to adapt to the pandemic context and effectively use the available livelihood capital, farmers need to diversify their livelihood strategies, human capital, social capital, and financial capital are needed to promote development to respond to the Covid-19 epidemic.

### TÓM TẮT

Tác động của đại dịch Covid-19 đến Sinh kế người dân là vấn đề quan tâm trong định hướng chiến lược Sinh kế bền vững hiện nay. Nghiên cứu khảo sát 100 hộ nuôi tôm về mô hình nuôi tôm khép kín tại xã Long Điền Đông, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sinh kế của hộ nuôi. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mô hình có sự khác biệt khi áp dụng trước và sau dịch, nguồn vốn con người của hộ nuôi đảm bảo phục vụ sinh kế, vốn xã hội còn hạn chế trong tham gia hoạt động xã hội tại địa phương, nguồn vốn tài chính chưa cao, chưa tiếp cận được nguồn vốn vay, nguồn vốn tự nhiên và nguồn vốn cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất. Các yếu tố về 5 nguồn lực hộ nuôi và các yếu tố bên ngoài: chính sách nhà nước, dịch bệnh và thị trường đều có tác động đến kết quả sinh kế hộ. Để nâng cao năng lực thích ứng và sử dụng hiệu quả nguồn vốn sinh kế, cần đa dạng chiến lược sinh kế, nguồn vốn con người, vốn xã hội và vốn tài chính là cần thúc đẩy phát triển để ứng phó với dịch Covid-19.

### Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 27/09/2022

Ngày nhận bài sửa: 15/10/2022

Ngày duyệt đăng: 17/10/2022

### Title:

The impact of the Covid-19 pandemic on people's livelihoods – A case study Long Dien Dong commune, Dong Hai district, Bac Lieu province

### Từ khóa:

Covid-19, sinh kế, thích ứng

### Keywords:

Adaptation, Covid-19, livelihoods

## 1. GIỚI THIỆU

Thủy sản là ngành kinh tế trọng tâm của Việt Nam nói chung và các tỉnh ven biển vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nói riêng. Tuy nhiên, theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, ĐBSCL là vùng chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu (BĐKH) và mực nước biển dâng nặng nề nhất, nếu mực nước biển dâng cao 1 m sẽ có 10% dân số bị ảnh hưởng trực tiếp và thiệt hại 10% GDP (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2009, 2012). Các nghiên cứu dự báo cho thấy ở ĐBSCL mực nước biển dâng lên trung bình 20 cm trong vòng 50 năm qua, tăng 9 cm trong năm 2010, 33 cm năm 2050, 45 cm năm 2070 và 1 m năm 2100 (Ninh, 2007; Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2009, 2012). Wassmann et al. (2004) và Khang et al. (2008) dùng mô hình toán dự báo rằng mực nước biển sẽ dâng cao 14-20 cm trong năm 2030 và dâng cao 32-45 cm năm 2090, và có khoảng 0,6 triệu ha đến 4 triệu ha ở ĐBSCL bị ngập do nước biển dâng, hay sự xâm nhập mặn sâu vào đất liền khoảng 10 km năm 2030 và 20 km năm 2090. Điều này cho thấy ĐBSCL sẽ phải đối mặt với những nguy cơ lớn do mực nước biển dâng trong những thập niên sau. Điều này cũng có nghĩa là những hệ thống canh tác hiện tại sẽ bị phá hủy, sản xuất và đời sống người dân, đặc biệt là vùng ven biển sẽ chịu những tác động lớn do BĐKH. Thực tế ở các vùng ven biển trong thời gian qua, xâm nhập mặn và biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến sinh kế của người dân, các diện tích đất sản xuất và hệ thống canh tác bị thiệt hại.

Bạc Liêu là một trong những tỉnh thực hiện mô hình mới về nuôi tôm khép kín thích ứng với BĐKH và hầu hết các huyện ở tỉnh Bạc Liêu đều áp dụng mô hình nuôi tôm khép kín với công nghệ cao. Trong đó, huyện Đông Hải đã và đang áp dụng mô hình này đem lại lợi nhuận khá cao. Mô hình được thiết kế ao nuôi là ao đất trải bạt, diện tích 700 – 900 m<sup>2</sup>/ao hoặc hồ tròn nổi diện tích 700 m<sup>2</sup>/hộ; mật độ ương từ 2.000 – 5.000 con/m<sup>2</sup>, sau 20 - 25 ngày chuyển tôm xuống ao và san thưa ra nhiều giai đoạn; thời gian nuôi 90 – 120 ngày; tỷ lệ thành công cao trên 90%; năng suất từ 20 – 25 tấn/ha, cỡ thu hoạch từ 30 – 40 con/kg và cho lợi nhuận từ 600 – 800 triệu đồng/ha/năm (Tuấn, 2021). Mô hình nuôi tôm khép kín đã giúp người nuôi cải thiện được cuộc sống so với trước đây, nâng cao nguồn lực sinh kế của gia đình, thích ứng với các tác động từ bên ngoài môi trường tự nhiên, dịch bệnh, khí hậu, xã hội, kinh tế, chính sách, thể chế, quy định của nhà nước.

Tuy nhiên, dịch Covid-19 đã và đang gây ra sự suy giảm nghiêm trọng của nguồn lợi thủy sản,

không chỉ tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội của vùng, đặc biệt ảnh hưởng đến sinh kế người nuôi trong thời gian qua. Do đó, việc đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đến sinh kế người dân nuôi tôm khép kín tại xã Long Điền Đông, huyện Duyên Hải, tỉnh Bạc Liêu là rất cần thiết để tìm hiểu cách ứng phó của hộ nuôi tôm khép kín, phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến sinh kế và đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả sinh kế thông qua mô hình nuôi tôm khép kín cho hội nuôi trong vùng.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại xã Long Điền Đông, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, nơi có hộ dân nuôi tôm theo mô hình khép kín của tỉnh chịu tác động của đại dịch Covid-19.

### 2.2. Thu thập số liệu

Phương pháp điều tra bằng phiếu khảo sát được sử dụng để thu thập thông tin định tính và định lượng liên quan đến việc áp dụng mô hình nuôi tôm, năm nguồn lực sinh kế, chiến lược sinh kế thích ứng với tình hình dịch và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sinh kế hộ người dân trong giai đoạn dịch Covid-19 năm 2021 (thực hiện khảo sát năm 2022). Tổng số điều tra là 100 hộ người dân tại xã Long Điền Đông – Đông Hải – Bạc Liêu. Nông hộ được lựa chọn phỏng vấn sử dụng kết hợp 2 phương pháp chọn mẫu thuận tiện và chọn mẫu có chủ đích để tiến hành thu thập số liệu phù hợp với điều kiện bài nghiên cứu cần khảo sát.

### 2.3. Phương pháp phân tích

#### *Phân tích khung sinh kế bền vững*

(1) **Vốn con người:** Vốn con người bao gồm các yếu tố như số lượng thành viên lao động trong gia đình, trình độ học vấn, thâm niên canh tác, dinh dưỡng, khả năng làm việc, khả năng thích nghi,... Đây là yếu tố được xem là quan trọng nhất vì nó quyết định đến một cá nhân, sinh kế của một hộ gia đình.

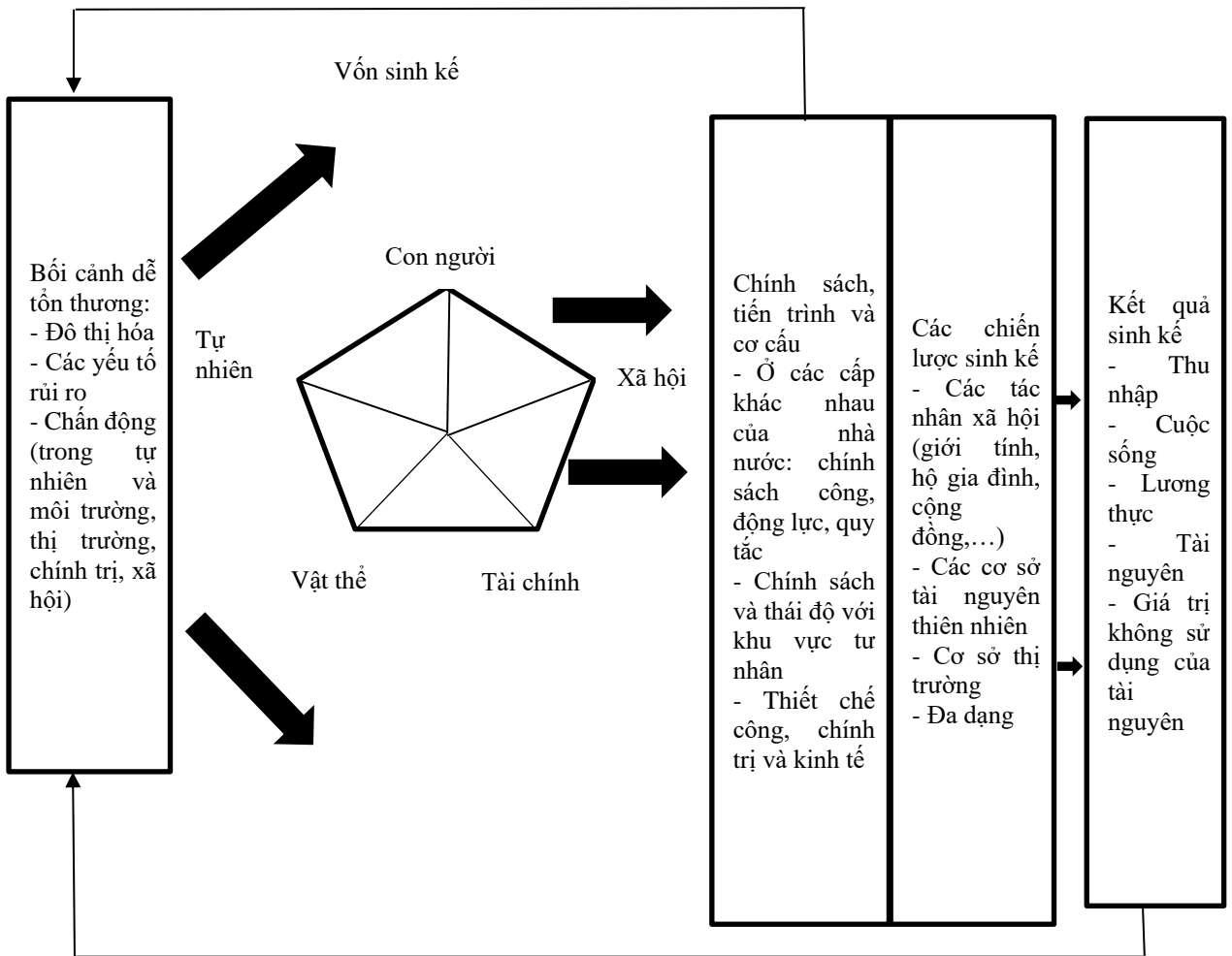
(2) **Vốn xã hội:** Vốn xã hội bao gồm mạng lưới, mối quan hệ xã hội giữa người dân và nhà nước, giữa hộ người dân và xóm giềng, dòng họ; quan hệ trách nhiệm và hỗ trợ lẫn nhau; các tổ chức tập huấn, văn hóa, tổ chức xã hội,... mà con người tham gia để có được những lợi ích và cơ hội khác. Vốn xã hội được con người sử dụng nhằm đạt được mục tiêu họ đề ra như khả năng tiếp cận nguồn vốn, nguồn lực từ mối quan hệ, những kiến thức về nuôi trồng thủy sản,...

(3) **Vốn tự nhiên:** Vốn tự nhiên là các yếu tố trong tự nhiên được con người sử dụng như đất đai, sản phẩm, nước và nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học, môi trường,... Nguồn lực tự nhiên cung cấp và phục vụ cho phương kế kiếm sống của con người, từ những hàng hóa công như không khí đến các tài sản có thể phân chia được và cũng có rất nhiều nguồn lực hình thành từ nguồn vốn tự nhiên.

(4) **Vốn tài chính:** những khó khăn mà tài chính đem lại khiến cho sinh kế của hộ gia đình suy giảm, muốn tăng sinh kế việc đầu tiên người dân phải chấp

nhận tăng quy mô sản xuất, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Để đáp ứng việc gia tăng quy mô vay vốn từ ngân hàng là hành vi quan trọng đối với người dân hiện nay, không chỉ tăng về quy mô mà còn hỗ trợ tiền lương, tiền công cho người lao động.

(5) **Vốn vật chất** bao gồm các cơ sở hạ tầng, công cụ và kỹ thuật, tài sản mà gia đình hỗ trợ cho sản xuất như: nhà ở, phương tiện sản xuất (các thiết bị khoa học kỹ thuật), phương tiện đi lại (xe cộ, đường sá,...), phương tiện giải trí,...



**Hình 1. Khung sinh kế bền vững**

(Nguồn: Neeffes, 2003)

*Phân tích nhân tố khám phá EFA*

Để tìm hiểu và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sinh kế của nông hộ khi sử dụng các nguồn vốn sinh kế có sẵn, từ đó góp phần đề xuất giải pháp thúc đẩy sinh kế phát triển và có chiến lược

ứng phó thích hợp với đại dịch Covid – 19, nghiên cứu sử dụng phân tích nhân tố khám phá EFA (bảng nhân tố xoay và nhân tố ma trận điểm). Các biến độc lập được trình bày ở Bảng 1 theo năm nguồn vốn sinh kế, như sau:

**Bảng 1. Các biến sử dụng trong nhân tố khám phá ảnh hưởng đến kết quả sinh kế**

STT	Nguồn vốn	Biến	Ký hiệu	Nguồn
1	Con người	Số lượng thành viên lao động trong gia đình	CN1	Cần và, 2019
		Sức khỏe của người lao động được đảm bảo	CN2	Tác giả đề xuất
		Học vấn chủ hộ	CN3	Cần và Tú, 2019
		Thâm niên trong nuôi tôm khép kín giúp ổn định nguồn thu nhập	CN4	Cần và Tú, 2019
2	Vật chất	Phương tiện sản xuất (các thiết bị khoa học kỹ thuật)	VC1	Tú và ctv., 2012
		Phương tiện đi lại (xe cộ, đường xá vận chuyển thức ăn, thuốc...)	VC2	Cần và Tú, 2019
		Phương tiện giải trí	VC3	Tác giả đề xuất
3	Tài chính	Nguồn vốn tiết kiệm (tiền mặt, hiện vật đang có) của hộ gia đình phục vụ mô hình nuôi tôm	TC1	Cần và Tú, 2019 và tác giả đề xuất
		Vay vốn từ ngân hàng, nhà nước để mở rộng quy mô nuôi	TC2	Tác giả đề xuất
		Nguồn vốn hỗ trợ từ người thân, hàng xóm	TC3	Tác giả đề xuất
4	Tự nhiên	Đất chủ hộ có sẵn phục vụ nuôi tôm sản xuất (m <sup>2</sup> )	TN1	Cần và Tú, 2019
		Đất chủ hộ thuê để mở rộng quy mô nuôi tôm (m <sup>2</sup> )	TN2	Tú và ctv. 2012
		Đất ruộng muối (m <sup>2</sup> )	TN3	Tác giả đề xuất
5	Xã hội	Tham gia các lớp tập huấn áp, xã tổ chức về mô hình nuôi tôm khép kín	XH1	Cần và Tú, 2019 và tác giả đề xuất
		Tham gia các hội đoàn thể tại địa phương (Hội nông dân, hội phụ nữ...)	XH2	Cần và Tú, 2019
		Không tham gia vào các hoạt động xã hội	XH3	Tác giả đề xuất

(Nguồn: Tác giả đề xuất, 2022)

### 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Thực trạng áp dụng mô hình nuôi tôm khép kín trước và sau dịch Covid-19 của hộ người dân

Để kiểm định có hay không sự khác biệt giữa thực trạng áp dụng mô hình trước dịch với thực trạng áp dụng mô hình sau dịch Covid-19, nghiên cứu tiến hành kiểm định sự khác biệt trước và sau dịch Covid-19 với các biến số vụ nuôi, sản lượng, giá thành tôm, tổng thu nhập và lợi nhuận cuối cùng người dân thu được sau quá trình sản xuất. Kết quả thu được như sau:

**Bảng 2. Mức độ đánh giá giá trị trung bình của hai nhóm hộ trung bình và nhóm hộ khá**

Tiêu chí	Giá trị t	Mức độ khác biệt (Giá trị Sig.)
Số vụ nuôi	-2,299	0,024
Sản lượng thu hoạch	2,527	0,013
Giá thành tôm	8,447	0,000
Tổng thu nhập	-13,125	0,000
Lợi nhuận	-11,341	0,000

(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2022)

Các tiêu chí về số vụ nuôi, sản lượng tôm, giá thành, tổng thu nhập và lợi nhuận được so sánh trước

khí áp dụng mô hình và sau khi áp dụng mô hình đều có sự khác biệt. Giá trị Sig. của các biến nhỏ hơn 0,05 với mức ý nghĩa 95%, nên ta có thể bác bỏ  $H_0$  và chấp nhận  $H_1$ , nghĩa là có sự khác biệt trung bình giữa mô hình trước và sau dịch. Trong tình hình dịch, hạn chế đi lại, vận chuyển khó khăn, việc áp dụng mô hình sẽ gặp cản trở và những rủi ro mà đại dịch mang đến, ảnh hưởng đến thu nhập, cuộc sống của người dân bị đảo lộn và chưa thích ứng kịp thời. Ngoài ra, sự khác biệt của mô hình trước và sau dịch còn thể hiện ở đầu ra của thị trường tôm, trước dịch thị trường đầu ra của người dân dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận, ổn định, lượng tôm thu hoạch có người thu mua. Tuy nhiên, đối với tình hình dịch hạn chế vận chuyển, đi lại gặp khó khăn, tình trạng xuất khẩu của các công ty ra nước ngoài, nguồn đầu ra của thị trường tôm bị hạn chế dẫn đến thương lái không thu mua, người dân khó khăn, bấp bênh trong việc tìm đầu ra khi tôm tới thời gian thu hoạch.

#### 3.2. Phân tích vốn sinh kế

##### 3.2.1. Vốn con người

Trong các hoạt động sản xuất từ nông nghiệp đến công nghiệp, nhân khẩu là yếu tố quan trọng đầu tiên tạo ra nguồn lực lao động trong quá trình sản xuất. Hộ người dân tại nông thôn tận dụng nguồn lao động

có sẵn tại gia đình, giảm bớt chi phí thuê lao động và nhằm sử dụng hiệu quả, quản lý lao động trong độ tuổi lao động góp phần gia tăng thu nhập, giải quyết tình trạng thất nghiệp. Tuy nhiên, số người phụ thuộc làm giảm thu nhập trong chi tiêu và không đóng góp vào trong lao động của hộ.

**Bảng 3. Một số chỉ tiêu về nguồn lực con người của hộ nuôi tôm khép kín**

Tiêu chí đánh giá	Trung bình	Ý nghĩa
Số nhân khẩu	3,39	Trung bình
Số thành viên tham gia sản xuất	3,56	Quan trọng
Số người phụ thuộc	3,22	Trung bình

(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2022)

Theo kết quả nghiên cứu, giá trị trung bình của biến số nhân khẩu, số người phụ thuộc nằm ở mức trung bình, giá trị trung bình của biến số thành viên tham gia sản xuất (mean=3,56) ở mức ý nghĩa quan trọng. Như vậy, số nhân khẩu tham gia vào sản xuất là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tính dễ bị tổn thương và thích ứng của hộ đối với đại dịch. Ngoài ra, trình độ học vấn, thâm niên canh tác, số lao động nam và lao động nữ tham gia sản xuất còn phân ảnh việc nguồn lực con người đem đến thu nhập, lợi nhuận cho kinh tế. Tóm lại, các biến được khảo sát trong bài nghiên cứu, tất cả đều là một trong những yếu tố quan trọng giúp nông hộ nâng cao hiệu quả sản xuất.

### 3.2.2. Vốn tài chính

Theo kết quả nghiên cứu, thu nhập trung bình của hộ người dân có giá trị trung bình là 3,05 (nằm trong khoảng từ 2,61 – 3,40 theo thang đo likert 5 mức độ). Nhìn chung, mức thu nhập của hộ gia đình trong tình hình dịch Covid-19 không cao có thể do chiến lược sử dụng vốn sinh kế và khả năng thích ứng của nông hộ đối với đại dịch chưa cao.

Nguồn thu nhập của hộ khá đa dạng với các hoạt động nuôi tôm, nghề tự do, buôn bán, làm muối, nhà nước. Theo kết quả nghiên cứu, nuôi tôm có tỷ lệ người dân lựa chọn nhiều nhất chiếm 43,1%, tiếp đến là ngành nghề tự do chiếm 25,3% và còn lại là các hoạt động khác. Đây là hai nguồn thu nhập lớn rất quan trọng đối với hộ nuôi tôm, vì nuôi tôm sẽ

có thời gian cụ thể cho tôm ăn, mở quạt,... ngành nghề tự do sẽ phù hợp với hộ nuôi nhiều hơn, khi rảnh làm bận nghỉ. Tóm lại, nông nghiệp giữ vai trò quan trọng trong sinh kế bền vững của hộ người dân.

**Bảng 4. Thu nhập trung bình của hộ người dân**

Tiêu chí đánh giá	Thu nhập trung bình
Trung bình	3,05
GTNN	1
GTLN	5
Độ lệch chuẩn	0,752

(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2022)

Số nguồn thu nhập nông hộ cho thấy các hộ có sự đa dạng về ngành nghề, nhiều hoạt động tham gia vào nâng cao sinh kế, một hộ có từ 2 -3 nguồn thu nhập khác nhau. Dựa vào Bảng 4, số nguồn thu nhập từ 2 nguồn trở lên rất cao, chủ yếu là nuôi tôm là chủ yếu kết hợp với các hoạt động khác.

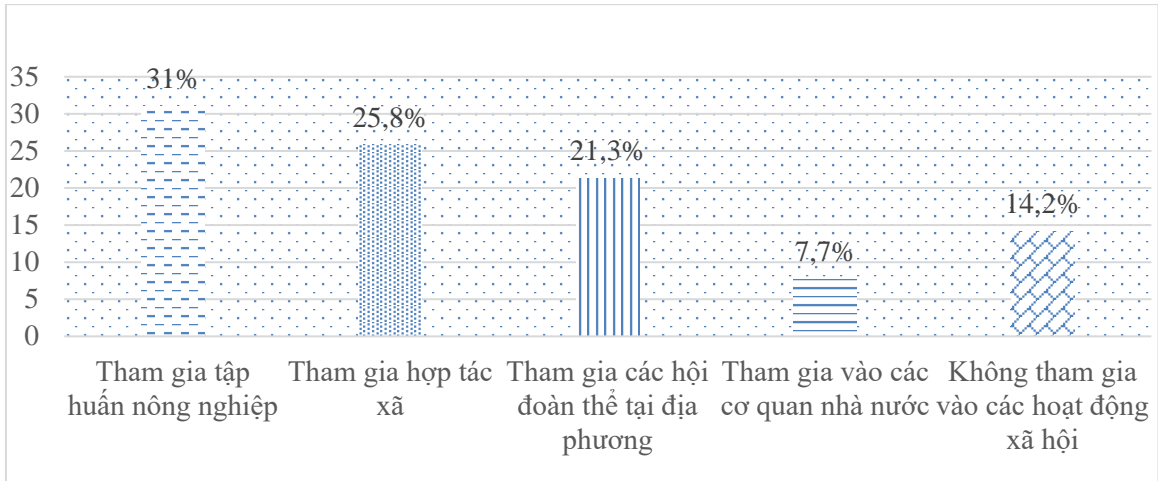
**Bảng 4. Các nguồn thu nhập của hộ người dân trong tình hình dịch Covid-19**

Các nguồn thu nhập	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nuôi tôm	97	43,1%
Ngành nghề tự do	57	25,3%
Buôn bán	38	16,9%
Làm muối	19	8,4%
Nhà nước	14	6,2%
Tổng	225	100%

(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2022)

### 3.2.3. Vốn xã hội

Hình 2 cho thấy các nông hộ tham gia vào hoạt động xã tại địa phương và các mối quan hệ nhà nước không cao, cụ thể: chỉ có 31% hộ tham gia tập huấn nông nghiệp; 25,8% hộ tham gia hợp tác xã; tham gia các hội đoàn thể tại địa phương (hội nông dân, hội phụ nữ,...) chỉ chiếm 21,3%; tham gia vào cơ quan nhà nước (7,7%) và không tham gia vào hoạt động xã hội (14,2%). Điều đó cho thấy nguồn lực xã hội của nông hộ chưa cao, sự gắn kết và hợp tác giữa người dân và nhà nước chưa phát triển, người dân chưa nắm rõ được vai trò của các mối quan hệ và hòa động xã hội trong việc phát triển sinh kế.



**Hình 2. Các hoạt động xã hội người dân tham gia tại địa phương**

(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2022)

Bảng kết quả 3.5, cho thấy sự hỗ trợ từ người thân, hàng xóm xung quanh hộ nông dân, là nguồn lực hỗ trợ nhanh nhất và trực tiếp khi hộ gặp khó khăn trong tình hình dịch, thay vì sự giúp đỡ từ nhà nước, ngân hàng vay vốn, nguồn hỗ trợ từ hàng xóm là nhanh nhất. Ở hai nhóm hộ trung bình và nhóm

hộ khá khi so sánh mức độ khác biệt về sự hỗ trợ, ta thấy giá trị Sig. = 0,811, nghĩa là không có sự khác biệt về sự hỗ trợ, không có sự phân biệt giàu nghèo giữa hai hộ, bình đẳng và nhận được sự hỗ trợ như nhau.

**Bảng 5. Sự hỗ trợ từ người thân, hàng xóm của hai nhóm hộ trung bình và nhóm hộ khá**

Tiêu chí	Nhóm trung bình (n=50)	Nhóm khá (n=50)	Giá trị t	Mức độ khác biệt (Giá trị Sig.)
Hỗ trợ từ người thân, hàng xóm	1,82	1,78	0,240	0,811

(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2022)

**3.2.4. Vốn tự nhiên**

Nguồn lực tự nhiên đóng vai trò quan trọng đối với người dân nuôi tôm, nguồn lực tự nhiên phục vụ sinh kế cho cộng đồng người dân bao gồm: quy mô/ diện tích đất sản xuất, mức độ diện tích của ao nuôi, diện tích nhà ở hay đất làm muối và hệ thống nguồn nước được sử dụng trong ao nuôi và các yếu tố về thời tiết tự nhiên. Vốn tự nhiên không chỉ là đất mà còn là hệ thống nguồn nước được sử dụng trong ao nuôi.

Quy mô/ diện tích đất sản xuất của hai nhóm hộ trung bình và nhóm hộ khá có sự khác biệt giữa hai hộ với giá trị Sig. = 0,029 < 0,05. Đánh giá về diện tích đất sản xuất nông nghiệp có sự chênh lệch đối với diện tích đất nuôi tôm, diện tích đất làm muối và diện tích đất nhà ở. Diện tích đất nuôi tôm được đánh giá là quan trọng đối với nông hộ (mean=3,47), còn đối với diện tích đất làm muối và đất nhà ở có mức ý nghĩa trung bình (2,12 và 2,96) (Bảng 6). Diện tích nhà ở hay đất làm muối không quan trọng đối với hộ

dân, bởi nuôi tôm mới là nguồn thu nhập chủ yếu của nông hộ, cần được đầu tư và phát triển.

**Bảng 6. Mức độ đánh giá của hộ người dân đối với đất sản xuất nông nghiệp**

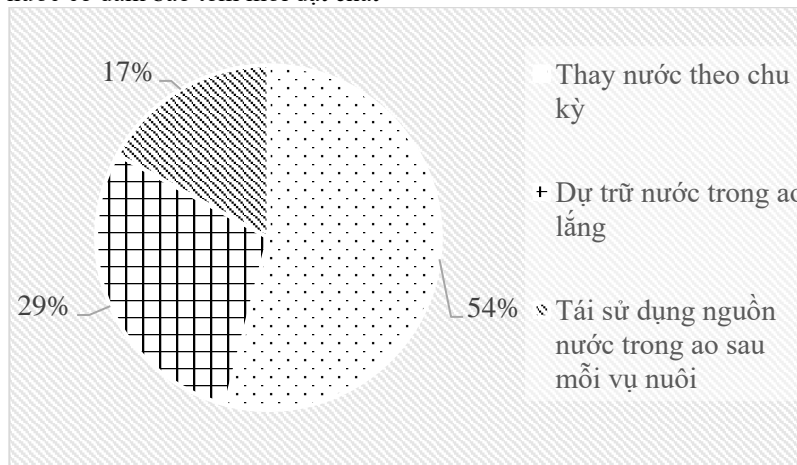
Tiêu chí đánh giá	Trung bình	Ý nghĩa
Diện tích đất nuôi tôm	3,47	Quan trọng
Diện tích đất làm muối	2,12	Trung bình
Diện tích đất nhà ở	2,96	Trung bình
Mức độ khác biệt hộ trung bình và hộ giá	Giá trị t -2,212	Giá trị Sig 0,029

(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2022)

Về nguồn nước trong ao nuôi, hình 3 cho thấy hộ sử dụng nguồn nước thay theo chu kỳ chiếm 54%, dự trữ nước trong ao lắng chiếm 29% và tái sử dụng

nguồn nước sau mỗi vụ nuôi có 17%. Nguồn nước đứng ở vị trí thứ hai trong quá trình sản xuất tôm khép kín, nguồn nước có đảm bảo tôm mới đạt chất

lượng, bán với giá thành cao và tăng thu nhập cho hộ người dân.



**Hình 3. Nguồn nước sử dụng trong ao nuôi**

(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2022)

### 3.2.5. Vốn vật chất

Hệ thống giao thông phục vụ việc đi lại, vận chuyển thức ăn, thuốc và sản phẩm thu hoạch sau mỗi vụ tôm và nguồn điện là cơ sở vật chất không

thể thiếu đối với mô hình công nghệ cao sử dụng nguồn điện tạo ánh sáng, tạo oxi cho tôm phát triển với mật độ tôm thả dày đặc, nguồn điện cung cấp cho sinh hoạt và các công cụ chạy bằng điện là điều cần thiết.

**Bảng 7. Hệ thống cơ sở hạ tầng của hộ người dân**

Cơ sở hạ tầng	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
Hệ thống giao thông	Dễ dàng đi lại, phát triển	57	57%
	Kém phát triển	24	24%
	Còn nằm trong vùng khó vận chuyển, xa lộ lớn	19	19%
Nguồn điện	Hệ thống điện đã được phủ khắp	64	64%
	Nguồn điện sử dụng kéo từ nguồn điện khác	24	24%
	Nguồn điện không đủ phục vụ	12	12%

(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2022)

Bảng 7 cho thấy kết quả khảo sát về hệ thống giao thông và nguồn điện mà người dân sử dụng nuôi tôm như sau: có 57 hộ người dân có ao tôm nằm trên đường lộ, giao thông dễ vận chuyển qua lại, hệ thống đường sá được nâng cấp và có 24 hộ (chiếm 24%) có ao nuôi với hệ thống đường lộ kém phát triển và 19 hộ với hệ thống giao thông còn nằm trong vùng khó vận chuyển, xa lộ lớn. Việc hệ thống giao thông kém phát triển gây khó khăn cho các hộ dân trong việc vận chuyển hàng hóa, tiếp cận giáo dục, y tế và phương tiện đi lại khó khăn.

Đối với nguồn điện phục vụ cho sinh hoạt và quá trình sản xuất, có 64 hộ tiếp cận được với nguồn điện

phủ khắp, tuy nhiên 24 hộ lại sử dụng nguồn điện kéo từ nguồn điện khác gây khó khăn trong lúc vận hành máy móc, thiết bị và phụ thuộc vào người khác, còn lại đối với 12 hộ có nguồn điện không đủ phục vụ nằm trong vùng sâu, vùng xa, nguồn điện chưa cung cấp đầy đủ, dẫn đến nuôi tôm và sinh hoạt gặp nhiều khó khăn, nguồn điện thay bằng sức máy hao tốn nhiên liệu và không đáp ứng đủ yêu cầu cung cấp oxi cho tôm phát triển khỏe mạnh, ảnh hưởng đến quá trình sản xuất và chất lượng con tôm. Ngoài ra, hộ còn đánh giá mức độ của các phương tiện đối với sản xuất như sau:

**Bảng 8. Mức độ đánh giá của người dân đối với các nguồn lực vật chất**

Tiêu chí đánh giá	Trung bình	Ý nghĩa
Phương tiện sản xuất (các thiết bị khoa học kỹ thuật)	3,82	Quan trọng
Phương tiện đi lại (xe cộ, đường xá...)	3,76	Quan trọng
Nhà ở của hộ gia đình	3,27	Trung bình
Phương tiện giải trí	2,81	Trung bình

(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2022)

Phương tiện sản xuất (mean=3,82) và phương tiện đi lại (mean=3,76) hai phương tiện quan trọng đối với vốn vật chất, còn nhà ở (mean=3,27) và phương tiện giải trí (mean=2,81) nằm ở mức độ trung bình.

3.2.6. 3.1.6. Chính sách nhà nước

Các chính sách của nhà nước trong tình hình dịch Covid-19 như giãn cách xã hội theo chỉ thị 16, hoãn hợp giải quyết kịp thời vấn đề vận chuyển, gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất ảnh hưởng quan trọng đến người dân, dẫn đến thu nhập không ổn định, khó khăn trong việc vận chuyển, suy giảm kinh tế hộ. Chính sách hỗ trợ lao động và người sử dụng lao động không ảnh hưởng đến sinh kế người dân, tạo điều kiện cho người dân vượt khó trong tình hình diễn biến phức tạp của đại dịch.

3.2.7. Thị trường

Thị trường thủy sản đang bị đóng băng, không có thương lái thu mua, thu mua với giá thành thấp, nguồn tiêu thụ nước ngoài hạn chế,... cuộc sống của người dân trong ngành thủy sản tụt lều dật, dừng sản xuất, thua lỗ, nguồn thu nhập của người dân bị mất đi.

3.2.8. Dịch bệnh Covid -19

Tình hình dịch diễn biến phức tạp, với số lượng người dân được tiêm vaccin mũi 1 và mũi 2 rất ít, không chỉ đe dọa đến tính mạng người dân, nguồn lực con người bị ảnh hưởng, mà việc phong tỏa, di chuyển cũng bị hạn chế, khiến nhiều người dân không thể tham gia hoạt động sản xuất, e ngại khi ra đường sẽ tiếp xúc với F0 và F1, việc phong tỏa, hạn chế đi lại đối với những gia đình đang trong thời gian thu hoạch tôm, thương lái không dám thu mua, thu mua với giá thấp 70-80.000 đồng/kg, không tụ tập quá nhiều người, việc thu hoạch tôm càng khó khăn hơn, không đủ nguồn nhân lực để thực hiện và dẫn đến tình trạng thua lỗ ở các hộ.

3.3. Chiến lược sinh kế của nông hộ

Trong tình hình dịch ngày càng phát triển và không có dấu hiệu ngừng lại trong thời gian tới, người dân đã thay đổi chiến lược, đa dạng, thích ứng với tình hình dịch.

**Bảng 9. Chiến lược sinh kế của hộ người dân**

Chiến lược sinh kế	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Ngành nghề tự do	53	28,6%
Chủ yếu dựa vào trồng trọt – chăn nuôi	51	27,6%
Kinh doanh	29	15,7%
Làm công – đi làm ăn xa	22	11,9%
Làm muối	22	11,9%
Hành chính	8	4,3%

(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2022)

Trong đó, ngành nghề tự do được người dân lựa chọn nhiều nhất để đa dạng sinh kế (28,6%) 53 hộ lựa chọn, tiếp đến là dựa vào trồng trọt – chăn nuôi (27,6%) tận dụng nguồn lực sẵn có tại gia đình phục vụ cho sinh kế (Bảng 9). Tóm lại, kết quả nghiên cứu cho thấy sinh kế hộ người dân khá đa dạng và thay đổi chiến lược phù hợp với bối cảnh hiện nay.

3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sinh kế nông hộ

Kết quả chạy nhân tố khám phá EFA cho thấy những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sinh kế như sau:



**Bảng 10. Ma trận điểm nhân tố các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sinh kế hộ người dân**

Ký hiệu	Ma trận xoay nhân tố				
	F1	F2	F3	F4	F5
TC3	0,505				
TC2	0,420				
TC1	0,353				
VC3		0,487			
VC1		0,429			
VC2		0,381			
XH1			0,500		
XH2			0,420		
XH3			0,388		
TN2				0,559	
TN3				0,475	
TN1				0,301	
CN3					0,542
CN1					0,424
CN4					0,389

(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2022)

Tất cả 5 nguồn lực đều ảnh hưởng đến kết quả sinh kế của hộ người dân, ngoài ra còn có các yếu tố chính sách nhà nước, thị trường, dịch bệnh đóng góp phần vào làm thay đổi kết quả sinh kế của nông hộ, bên cạnh, sử dụng không hiệu quả các nguồn lực, chưa thích ứng được với các rủi ro. Để góp phần nâng cao năng suất, thu nhập và năng lực thích ứng, có một số đề xuất từ kết quả nghiên cứu, như: (i) nâng cao trình độ học vấn của các thành viên trong gia đình nhằm tăng khả năng học hỏi, kinh nghiệm, vận dụng khoa học kỹ thuật và tăng tỷ lệ trẻ em đến trường; (ii) tham gia các hội đoàn thể hay lớp tập huấn tạo mối quan hệ xã hội, trau dồi, học hỏi kỹ năng chăm sóc tôm và bệnh ở tôm; (iii) nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững thay vì chú trọng quy mô, chất lượng tôm là cần thiết nhất; (iv) đa dạng chiến lược sinh kế, kết hợp nhiều ngành nghề với mô hình nuôi tôm tăng thêm thu nhập cho nông hộ; (v) chú trọng đầu tư vào các trang thiết bị và sinh hoạt, áp dụng khoa học, máy móc vào sản xuất, đảm bảo an toàn cho người dân; (vi) sử dụng, bảo vệ nguồn nước và môi trường một cách hợp lý, tránh ô nhiễm không khí, môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.

#### 4. KẾT LUẬN

ĐBSCL nói chung, xã Long Điền Đông nói riêng là nơi chịu ảnh hưởng nặng nề khi áp dụng mô hình

nuôi tôm khép kín, trong bối cảnh đại dịch. Chiến lược sinh kế của người dân rất đa dạng với nhiều ngành nghề tự do, làm muối, buôn bán đến nhà nước,... Nguồn lực và các chiến lược sinh kế của hộ dân bị chi phối và chịu tác động bởi đại dịch dẫn đến sự khác biệt về thu nhập giữa các hộ nuôi.

Về các nguồn vốn kinh tế, 5 nguồn lực của hộ nuôi được đảm bảo, trong đó, nguồn lực cơ sở vật chất và nguồn lực tự nhiên ít bị ảnh hưởng, trong khi nguồn lực con người còn hạn chế về trình độ học vấn; nguồn vốn xã hội người dân ít tham gia tập huấn, hoạt động xã hội; nguồn lực tài chính ít nhận được sự hỗ trợ từ ngân hàng, vay vốn.

Về các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sinh kế, bên cạnh những tác động từ 5 nguồn vốn bên trong, nguồn lực bên ngoài (chính sách, thị trường và dịch bệnh) cũng đem lại kết quả tích cực và tiêu cực đối với kết quả sinh kế nông hộ, cần liên kết và mở rộng thị trường tôm xuất khẩu trong thời gian tới.

Nâng cao năng lực thích ứng cho nông hộ để sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn sinh kế có sẵn: vốn con người, vốn xã hội, vốn tài chính. Địa phương cần hỗ trợ và chú trọng đầu tư hiệu quả các nguồn lực sinh kế còn lại như vốn vật chất và vốn tự nhiên trong việc quản lý và thực hiện hiệu quả mô hình.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Tài nguyên và Môi trường. (2009). Kịch bản Biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường. (2012). Kịch bản Biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam.
- Cần, N. D., & Tú, V. H. (2019). Thực trạng và chiến lược sử dụng nguồn vốn sinh kế thích ứng với xâm nhập mặn của nông hộ ven biển Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 55(6), 109-118.
- Ellis, F. (2000). *Rural Livelihoods and Diversity in Developing Countries*. Oxford University Press, Oxford.
- Khang, N. D., Kotera, A., Sakamoto, T., & Yokozawa, M. (2008). Sensitivity of salinity intrusion to sea level rise and river flow change in Vietnamese Mekong Delta – Impacts on availability of irrigation water for rice cropping. *J. Agric. Meteorol.*, 64(3), 167-176.
- Long, N. T. (2016). Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình nuôi tôm sú thâm canh ở tỉnh Cà Mau. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 46, 87-94.
- Neefjes, K. (2003). *Môi trường và sinh kế. Các chiến lược phát triển bền vững*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
- Ninh, N. H. (2007). *Vulnerability, adaptation and resilience to climate change in Vietnam: Capacity needs*. Center for Environment Research, Education and Development, Hanoi, Vietnam
- Tú, V. H., Cần, N. D., Trang, N. T., & An, L. V. (2012). Tính tổn thương sinh kế nông hộ bị ảnh hưởng lũ tại tỉnh An Giang và các giải pháp ứng phó. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 22, 294-403.
- Tuấn, H. (2021). *Đồng Hải: Nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả trong nuôi trồng thủy sản*. Báo Bạc Liêu. <http://www.baobaclieu.vn/nong-nghiep-nong-dan-nong-thon/dong-hai-nhan-rong-cac-mo-hinh-san-xuat-hieu-qua-trong-nuoi-trong-thuy-san-70671.html>
- Wassmann, R., Hien, N. X., Hoanh, C. T., & Tuong, T. P. (2004). Sea water rise affecting the Vietnamese Mekong delta: Water elevation in the flood season and implications for rice production. *Climate Change*, 66, 89-107.